

點心 Snacks 2

diǎn xīn

打字 Type the **pinyin** of the vocabulary phrases

dǎ zì

1		bīng qí lín		
2		bǐng gān		
3		dàn gāo		
4		gǔo zhī		
5		qiǎo kè lì		
6		táng gǔo		
7		tián tián quān		
8		shuǐ guǒ		